

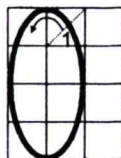
## 8. Cách viết các chữ số cơ bản từ 0 đến 9

Việc dạy viết chữ số liên quan rất nhiều đến việc dạy toán ở tiểu học. Để có thể đọc, viết được số từ 0 đến 100, các em cần đọc và viết được 10 chữ số cơ bản từ 0 đến 9.

Các chữ số đều có chiều cao nhất loạt là 2 đơn vị. Sau đây chúng ta tìm hiểu cách viết từng chữ một.

### Số 0

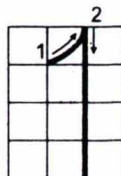
Viết như chữ cái O



### Số 1

Con số 1 gồm 2 nét: nét xiên phải và nét thẳng đứng.

Điểm đặt bút là giao điểm của dòng kẻ ngang số 4 và đường kẻ dọc số 2. Từ điểm 1 (điểm đặt bút) viết nét xiên hơi cong chạy đến giao điểm đường kẻ dọc 5 và đường kẻ ngang 3 (số 2) rồi tiếp tục số thẳng xuống đến đường kẻ ngang 1.



### Số 2

Từ điểm đặt bút trên dòng kẻ ngang 4 và khoảng giữa đường kẻ dọc 1 và 2, lượn vòng gấp dòng kẻ ngang 5 vòng tiếp về bên phải về phía dưới đến tận giáp dòng kẻ ngang 1 thì tạo nét thắt, rê bút hơi vòng lên sang phải. Điểm dừng bút ở phía trên dòng kẻ ngang 1 gần sát với đường kẻ dọc 4.



### Số 3

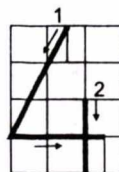
Từ điểm đặt bút ở vị trí trung điểm của hình vuông tạo bởi các đường kẻ dọc 1, 2 và dòng kẻ ngang 4, 5 vòng lượn lên sát đường kẻ ngang số 5 rồi



vòng sang phân đều sát giao điểm giữa đường kẻ dọc 3 với đường kẻ ngang 4 thì đưa bút lượn đến đường kẻ dọc 2 ở vị trí bên đường kẻ ngang 3. Tiếp theo viết nét cong phải. Điểm dừng bút ở giao điểm của đường kẻ dọc 1 và hàng kẻ ngang 2.

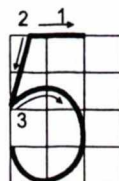
#### Số 4

Từ điểm đặt bút trên dòng kẻ ngang 5, giữa đường kẻ dọc 2, 3 (điểm 1) kéo xuống hơi vòng về phía trái đều giáp dòng kẻ ngang 1 thì tạo nét thắt sao cho nét thắt này nằm gọn trên đường kẻ 1. Sau đó tiếp tục viết đường kẻ ngang chạy qua đường kẻ dọc 3 nửa ô vuông. Lia bút lên giao điểm giữa dòng kẻ ngang 3 và đường kẻ dọc 3 và từ đó viết nét sổ thẳng xuống đường kẻ ngang 1.



#### Số 5

Viết nét ngang 1: Từ khoảng giữa đường kẻ dọc 1 và 2 trên dòng kẻ ngang 5 viết đường thẳng ngang kéo dài đều đường kẻ dọc 3.

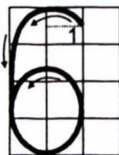


Viết nét xiên trái 2: Từ điểm đặt bút viết nét thứ nhất kẻ đường xiên trái xuống đến giao điểm của đường kẻ dọc 1 và hàng kẻ ngang 3.

Viết nét cong phải: Từ điểm kết thúc nét thứ hai viết nét cong phải theo chiều mũi tên. Điểm kết thúc là giao điểm của hàng kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 1.

#### Số 6

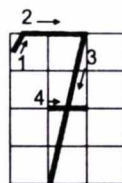
Từ điểm đặt bút trên đường kẻ dọc 3 ở quãng giữa hai đường kẻ ngang 4 và 5 viết nét cong trái theo chiều mũi tên. Kết thúc nét cong trái thì tiếp tục đưa bút vòng lên vượt qua đường kẻ ngang 3 một chút rồi



vòng về phía bên trái cho đều khi gặp đường cong trái. thấp hơn dòng kẻ ngang 3 một chút.

### Số 7

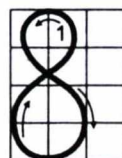
Từ điểm đặt bút trên đường kẻ dọc 1 ở giữa hai đường kẻ ngang 4 và 5 đưa rê lên và về phía phải cho đến khi gặp đường kẻ ngang 5. Tiếp đó viết nét ngang chạy dài đến đường kẻ dọc 3 rồi viết tiếp nét xiên trái chạy thẳng xuống đến dòng kẻ ngang 1. Điểm kết thúc là giao điểm của đường kẻ dọc 2 và đường kẻ ngang 1. Tiếp đó nét thẳng ngang nằm trên đường kẻ ngang 3.



### Số 8

Số 8 gồm hai nét cong kín xếp chồng lên nhau (hai chữ o đứng lên nhau).

Từ điểm đặt bút bên dưới đường kẻ ngang 5 một chút lượn bút vòng lên gặp đường kẻ ngang 5 lại tiếp tục vòng xuống và lượn về bên phải cho đến khi gặp đường kẻ dọc 2 ở phía trên dòng kẻ ngang 3 một chút thì lại lượn bút sang bên phải viết nét cong kín thứ hai theo chiều mũi tên. Điểm kết thúc trùng với điểm đặt bút. Lưu ý, kích thước của nét cong kín bên dưới lớn hơn nét bên trên. Hai nét cong phải xếp chồng lên nhau và thẳng đứng.



### Số 9

Số 9 chính là con số 6 lộn ngược trở lại gồm 2 nét: nét cong kín và nét móc ngược về bên trái. Đầu tiên viết nét cong kín như chữ O, tiếp đó từ điểm cuốn của nét cong kín viết tiếp nét móc ngược về bên trái. Điểm dừng bút nằm trên đường kẻ dọc 1 ở khoảng giữa đường kẻ ngang 1 và 2.



## 9. Luyện viết chữ hoa

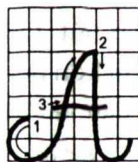
Viết hoa là một nội dung chính tả rất quan trọng của chữ viết tiếng Việt. Viết hoa cần phải tuân theo những quy tắc hiện hành chứ không thể tùy tiện. Về mặt nguyên tắc càng gây ý thức về kỹ năng viết hoa cho các em càng sớm càng tốt. Tuy nhiên, đưa vào khi nào cũng cần phải tính toán dựa trên nhiều dữ kiện khác nữa. Sách *Tiếng Việt 1* bắt đầu từ bài thứ 28 mới giới thiệu chữ hoa. Chương trình Tiếng Việt 1 cũng chỉ yêu cầu “làm quen với chữ viết hoa với cỡ chữ lớn và vừa”. Như vậy, bắt đầu từ lớp hai các em mới thực sự tập viết chữ hoa. Điều này là có lý do vì không thể cùng một lúc bắt các em học nhiều thứ được. Đặc biệt ở những bài đầu tiên, học sinh gặp nhiều khó khăn trong những ngày đầu đi học, chuyển từ hoạt động chơi sang hoạt động học. Với tinh thần viết chữ chưa học chữ chưa học nên một số trường hợp đáng lẽ phải viết hoa (chữ đầu câu, tên riêng) thì đành phải viết chữ in thường. Sau đây là hướng dẫn cụ thể cách viết chữ hoa (có những chữ có hai cách viết hoa, song nên chọn cách viết thứ nhất cho phù hợp với tâm lý nhận thức của học sinh):

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

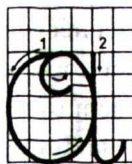
### Chữ A

Chữ A có hai cách viết song nên dạy học sinh cách thứ nhất.

- **Viết nét 1** (nét móc ngược trái): Từ điểm bắt đầu ở giao điểm của đường kẻ dọc 2 với đường kẻ ngang 3 tạo nét cong phải chạm đến đường kẻ ngang 1 rồi hơi lượn và đưa bút lên đến giao điểm của đường kẻ dọc 5 và đường kẻ ngang 6.



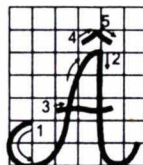
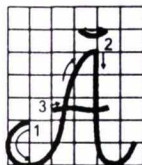
- **Viết nét 2** (nét móc ngược phải): Từ điểm kết thúc nét 1 kéo thẳng đến gần đường kẻ ngang 1 và lượn vòng lên cho tới đường kẻ ngang 2 và khoảng giữa là đường kẻ dọc 6 và 7.



- *Viết nét ngang*: Lia bút lên đến phía trên đường kẻ ngang 3 và viết nét ngang chia đôi chữ.

### Chữ $\tilde{A}$ và chữ $\hat{A}$

Hai chữ này viết như chữ a có thêm dấu phụ “ $\smile$ ” hoặc “ $\wedge$ ”



### Chữ $\mathcal{C}$

Từ điểm đặt bút ở giao điểm đường kẻ ngang 6 và đường kẻ dọc 3 vòng theo chiều mũi tên trong hình vẽ xuống đến 2,5 ô vuông rồi vòng lên gặp đường kẻ ngang 6 và tiếp tục lượn xuống giống nét cong trái đến sát đường kẻ ngang 1, tiếp tục vòng lên đến đường kẻ ngang 3 và lượn xuống.



Điểm kết thúc nằm trên đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 3.

### Chữ $\mathcal{B}$

- *Viết nét móc ngược trái*: Từ điểm đặt bút ở giao điểm đường kẻ ngang 6 và đường kẻ dọc 5 đưa bút xuống vị trí giao điểm đường kẻ ngang 2 và kẻ dọc 4 thì lượn cong sang trái tạo nét cong. Điểm kết thúc này ở giao điểm đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 3.



- *Viết nét cong lượn thắt*: Lia bút trên đường kẻ ngang 5 và khoảng giữa đường kẻ dọc 3, 4 rồi viết nét vòng lần 1, tạo nét thắt bên dưới dòng kẻ 4, tiếp tục viết nét cong phải. Điểm kết thúc nằm trên đường kẻ dọc 5 và quãng giữa hai đường kẻ ngang 2 và 3.

## Chữ D

Từ điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 6 kéo thẳng xuống bên dưới đường kẻ ngang 2 tạo nét thẳng nằm sát bên trên đường kẻ ngang 1, tiếp tục viết nét cong phải từ dưới đi lên nhưng kết thúc bằng nét cong trái. Điểm dừng bút nằm trên đường kẻ ngang 5 gần sát đường kẻ dọc 3 về phía trái.



## Chữ Đ

Chữ Đ viết như chữ d có thêm nét ngang ở dòng kẻ ngang 3.



## Chữ E

Phần trên của chữ e giống phần trên của chữ c. Tiếp theo là nét thẳng và nét xoắn ốc.

Đầu tiên viết giống phần trên của chữ c hoa, viết tiếp nét hất nhỏ ở vị trí trung tâm của toàn chữ, rồi lượn bút vòng về bên trái xuống gặp đường kẻ ngang 1, tiếp tục lượn vòng lên hình xoắn ốc. Điểm dừng bút ở giao điểm của đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 3.



## Chữ Ê

Viết chữ e sau đó viết dấu phụ “^” trên đầu.



## Chữ G

Chữ g là một trong hai chữ có chiều cao lớn nhất (4 đơn vị chữ viết). Chữ này gồm hai bộ phận: Chữ c hoa và nét khuyết dưới,



Viết chữ này như sau:

Viết chữ c hoa (giống về hình dáng và kích thước). Tuy nhiên về cuối nét không có nét lượn xuống mà dừng lại ở giao điểm của đường kẻ ngang 3 và đường kẻ dọc 5.

*Viết nét khuyết dưới:* Từ điểm kết thúc nét 1, viết tiếp nét khuyết dưới. Điểm dưới cùng của nét khuyết này cách dòng ngang 1 là 1,5 đơn vị chữ. Điểm dừng bút là giao điểm giữa đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 6.

### Chữ $\mathcal{H}$

*Viết nét cong trái (nét 1)*

Từ điểm cuối của nét cong trái (giao điểm của đường kẻ ngang 6 và đường kẻ dọc 3) viết nét khuyết dưới. Sau đó tiếp tục viết nét khuyết trên. Đoạn cuối của nét này vòng lên bên phải và kết thúc ở giao điểm giữa đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 6. Lia bút lên trên vào giữa chữ và viết nét số thẳng đứng.



Lưu ý, nét số thẳng đứng chia đôi chữ H làm hai phần bằng nhau.

### Chữ $\mathcal{J}$

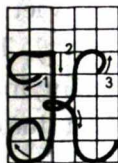
Chữ j gồm hai nét: nét cong trái và nét móc ngược trái.

Cách viết như sau: Từ điểm đặt bút trên dòng kẻ ngang 5 nằm bên phải đường kẻ dọc 3 một chút, viết nét vòng trái và kéo dài thêm đến giao điểm đường kẻ ngang 6 và đường kẻ dọc 4. Từ điểm này kéo thẳng xuống đến dòng kẻ ngang 2 rồi bắt lượn lên phía trái. Điểm kết thúc là giao điểm giữa đường kẻ dọc 3 và đường kẻ ngang 2.



### Chữ K

Chữ K gồm hai phần. Phần thứ nhất viết chữ j. Phần thứ hai lia bút lên trên đến đến giao điểm đường kẻ ngang 5 và đường kẻ dọc 5 vòng bút viết nét cong bé, đưa bút hơi thẳng xuống quãng giữa của chữ để tạo nét thắt nhỏ ở giữa, tiếp theo là viết nét móc ngược bên phải. Điểm dừng bút là giao điểm giữa đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 6.



### Chữ L

Viết nửa trên của chữ c hoa kéo thẳng xuống gần đường kẻ ngang 1 tạo nét thắt nằm ngang trên đường kẻ này, tiếp tục đưa bút sang phải đến gần đường kẻ dọc 5 thì đưa bút hướng lên. Điểm dừng bút là giao điểm của đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 5.



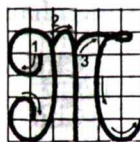
### Chữ M

Viết nét móc ngược trái có đầu móc tròn. Từ giao điểm của đường kẻ ngang 6 và đường kẻ dọc 4 kéo thẳng xuống đường kẻ ngang 1, viết tiếp nét xiên lên sang phải cho đến đường kẻ ngang 6 và quãng giữa hai đường kẻ dọc 5, 6 viết tiếp nét móc ngược phải. Kết thúc chữ ở giao điểm giữa đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 7.

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)



H1

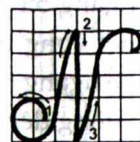


H2

### Chữ N

Chữ n có hai cách viết hoa.

Viết nét móc ngược trái, lưu ý đầu nét tròn. Từ giao điểm của đường kẻ ngang 6 vẽ đường kẻ dọc 4 kéo thẳng xuống đường kẻ ngang 1. Tiếp theo viết



H1



nét móc xuôi phải (lưu ý đầu nét tròn). Điểm kết thúc nằm trên giao điểm các đường kẻ ngang 5 và bên phải đường kẻ dọc 6.



H2

### Chữ O

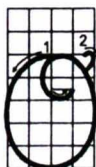
Viết như chữ O bình thường nhưng lưu ý:

- Độ cao: 2,5 đơn vị
- Khi đường cong gặp điểm đặt bút thì tạo thêm một nét vòng nhỏ bên trong.



### Chữ Ô và Ơ

Để viết hai chữ này, đầu tiên viết chữ o rồi sau đó thêm dấu phụ “^” hoặc “~”



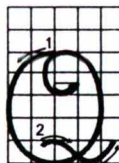
### Chữ P

Viết nét móc ngược trái có độ cao 2,5 đơn vị. Lưu ý kết thúc nét móc tròn. Lia bút đến giao điểm giữa đường kẻ ngang 5 và đường kẻ dọc 3 để bắt đầu viết nét thứ hai như hình vẽ bên.



### Chữ Q

Chữ q có hình thù và kích thước giống chữ o có thêm nét ~ ở dưới đáy. Cách viết: viết chữ o. Tiếp theo viết nét ~ dưới đáy về bên phải chữ.



H1

H2

### Chữ R

Viết nét móc ngược trái. Lia bút đến giao điểm giữa đường kẻ ngang 5 và đường kẻ dọc 3 để bắt đầu viết nét thứ hai như hình vẽ bên. Điểm dừng bút nằm trên đường kẻ ngang 2 ở quãng giữa hai đường kẻ dọc 6 và 7.



## Chữ Ɔ

Đầu tiên viết giống phần trên của chữ C hoa nhưng không lượn tròn cong lên mà kéo thẳng xuống để viết tiếp nét móc ngược trái. Đầu cuối nét móc tròn và kết thúc ở vị trí nằm trên đường kẻ ngang 2 và quãng giữa hai đường kẻ dọc 2 và 3.



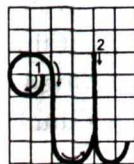
## Chữ Ɔ

Viết nét cong trái từ điểm đặt bút trên đường kẻ dọc 4 và quãng giữa hai đường kẻ ngang 4 và 5. Tạo nét thắt nằm kẻ dưới đường kẻ ngang 6. Tiếp theo viết tiếp nét cong phải thứ hai kéo xuống sát đường kẻ ngang 1, lượn bút tạo nét vòng đi lên và kết thúc trên đường kẻ ngang 2 và ở quãng giữa đường kẻ dọc 3 và 4.



## Chữ Ɔ

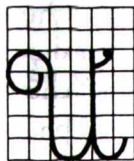
Viết giống chữ u viết thường song điều chỉnh chiều cao lên 2,5 đơn vị chữ, thêm một nét vòng khi bắt đầu chữ u thường



## Chữ Ɔ

Chữ Ɔ là chữ U thêm dấu phụ “˘”.

Cách viết: Viết chữ U thêm dấu phụ “˘” vào đầu bên phải.



## Chữ Ɔ

Chữ v có hai cách viết

Viết chữ j nhưng không có nét tròn ở phía dưới. Đưa bút về phía trên hơi uốn lượn đều đường kẻ



ngang 6 thì tạo một nét vòng nhỏ. Điểm dừng bút trên đường kẻ ngang 5 và quãng giữa hai đường kẻ dọc 5 và 6.

### Chữ 𠄎

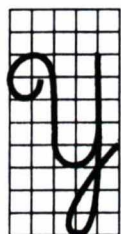
Về cơ bản viết chữ x thường song được phóng to hơn, chiều cao 2,5 đơn vị. Khi viết đến cuối nét cong phải thì không nhắc bút như chữ x thường mà tạo nét lượn nối liền với nét cong trái.



### Chữ y

Chữ y có độ cao 4 đơn vị là một trong hai chữ hoa cao nhất.

Chữ y gần giống chữ y viết thường, chỉ khác ở kích cỡ và có thêm nét vòng (thay nét hết lên) khi mới bắt đầu viết. Đầu tiên viết nét móc hai đầu có độ cao 2,5 đơn vị và móc ở đầu tiên tròn. Từ điểm kết thúc nét móc hai đầu trên đường kẻ dọc 5 lia bút lên hàng kẻ ngang 6 và viết nét khuyết dưới với độ cao 4 đơn vị chữ. Điểm dừng bút nằm trên đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 6.



## B. DẠY CHÍNH TẢ Ở TIỂU HỌC

### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT, NHIỆM VỤ CỦA PHÂN MÔN CHÍNH TẢ Ở TIỂU HỌC

Thuật ngữ *chính tả* hiểu theo nghĩa gốc là “phép viết đúng” hoặc “lối viết hợp với chuẩn”. Cụ thể, chính tả là hệ thống các quy tắc về cách viết thống nhất cho các từ của một ngôn ngữ, cách viết hoa tên riêng, cách phiên âm tên riêng nước ngoài... Nói cách khác, chính tả là những quy ước của xã hội trong ngôn ngữ, mục đích của

nó là làm phương tiện truyền đạt thông tin bằng chữ viết, bảo đảm cho người viết và người đọc đều hiểu thống nhất nội dung cơ bản. Chính tả trước hết là sự quy định có tính chất xã hội, nó không cho phép vận dụng quy tắc một cách linh hoạt có tính chất sáng tạo cá nhân.

## 1. Vị trí của phân môn Chính tả

Phân môn Chính tả trong nhà trường giúp học sinh hình thành năng lực và thói quen viết đúng chính tả, nói rộng hơn là năng lực và thói quen viết đúng tiếng Việt văn hoá, tiếng Việt chuẩn mực. Vì vậy, phân môn chính tả có vị trí quan trọng trong cơ cấu chương trình môn Tiếng Việt nói riêng, các môn học ở trường phổ thông nói chung.

Ở bậc Tiểu học, phân môn Chính tả càng có vị trí quan trọng. Bởi vì, giai đoạn tiểu học là giai đoạn then chốt trong quá trình hình thành kỹ năng chính tả cho học sinh. Không phải ngẫu nhiên mà ở Tiểu học, chính tả được bố trí thành một phân môn độc lập (thuộc môn Tiếng Việt), có tiết dạy riêng. Trong khi đó, ở Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, Chính tả chỉ được dạy xen kẽ trong các tiết thực hành ở phân môn Tập làm văn, chứ không tồn tại với tư cách là một phân môn độc lập như ở Tiểu học.

Tầm quan trọng của phân môn Chính tả còn thể hiện ở nhiệm vụ nặng nề hiện nay - khắc phục tình trạng viết sai chính tả quá phổ biến ở học sinh.

Lỗi chính tả của người viết chữ Quốc ngữ nói chung, của học sinh nói riêng từ lâu vẫn còn là vấn đề nhức nhối đối với những ai quan tâm đến vấn đề này. Chữ viết của học sinh không được như xã hội mong muốn. Trên báo chí hàng ngày, trên các tạp chí nghiên cứu, trong các cuộc hội thảo khoa học, người ta thường bắt gặp những ý kiến than phiền về tình trạng lỗi CT của học sinh. Không

những học sinh Tiểu học mà học sinh Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, sinh viên đại học cũng có nhiều thiếu sót về chữ viết. Không những ở một địa phương mà ở khắp nơi, trong Nam, ngoài Bắc, tình trạng lỗi chính tả của học sinh đều rất phổ biến. Nhiều người đã lên tiếng báo động về tình trạng này. Tác giả Nguyễn Đức Dương viết: “Tại sao mãi tới giờ, sau gần mười sáu năm cải cách giáo dục, học sinh chúng ta vẫn còn viết sai chính tả và sai nhiều đến như vậy?”<sup>1</sup>. Tác giả Hoàng Trọng Canh cho biết: “Theo điều tra sơ bộ của chúng tôi tại mười trường tiểu học ở địa bàn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh thì sai chính tả đang là một chứng bệnh phổ biến trong học sinh (...). Qua 3446 bài tiếng Việt của học sinh từ lớp 2 đến lớp 5 thì có tới 3171 bài phạm sai chính tả (chiếm 92%). Trung bình từ 21,3 âm tiết thì có 1 âm tiết viết sai chính tả (chiếm 4,7%)<sup>2</sup>. Theo tác giả Hà Quang Năng, “Trong bài kiểm tra của 728 Học sinh lớp 5 thuộc 4 trường tiểu học (trường Lê Văn Tám của quận Hai Bà Trưng, trường Trần Quốc Toản của quận Hoàn Kiếm, trường Yên Hoà và trường Trung Hoà của huyện Từ Liêm, Hà Nội có tới 3238 lỗi chính tả, trung bình mỗi bài có trên 4 lỗi, trong đó bài mắc lỗi nhiều nhất là 69 lỗi<sup>3</sup>.”

## 2. Nhiệm vụ của phân môn Chính tả

- Phân môn Chính tả trong nhà trường có nhiệm vụ giúp học sinh nắm vững các quy tắc chính tả và hình thành kỹ năng chính tả; nói cách khác, giúp học sinh hình thành năng lực và thói quen viết đúng chính tả.

---

<sup>1</sup> Nguyễn Đức Dương; *Về chiến lược dạy chính tả*; Kỷ yếu Hội nghị khoa học H., 1997.

<sup>2</sup> Hoàng Trọng Canh; *Chữ Quốc ngữ với vấn đề luyện chính tả ở trường phổ thông hiện nay*, Ngữ học trẻ, 1996.

<sup>3</sup> Hà Quang Năng, *Từ thực trạng mắc lỗi của học sinh Tiểu học, suy nghĩ về cách dạy học và SGK hiện nay*. Kỷ yếu hội thảo khoa học, H. 1997.

- Ngoài ra, phân môn Chính tả còn rèn cho học sinh một số phẩm chất như tính cẩn thận, óc thẩm mĩ, bồi dưỡng cho các em lòng yêu quý tiếng Việt và chữ viết của tiếng Việt.

## II. CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA DẠY CHÍNH TẢ

### 1. Chương trình

#### a. Lớp 1

+ Hình thức chính tả: tập chép, bước đầu tập nghe đọc để viết chính tả.

+ Luyện viết các vần khó: g/gh, ng/ngh, c/k/q...

+ Tập ghi dấu (dấu chấm, dấu chấm hỏi).

+ Tập trình bày một bài chính tả ngắn.

#### b. Lớp 2

+ Hình thức chính tả: tập chép, nghe đọc viết chính tả.

+ Tập viết hoa tên người, tên địa danh Việt Nam, tập viết một số tiếng có vần khó.

+ Rèn luyện thói quen sửa lỗi chính tả và trình bày bài chính tả đúng quy định

+ Chính tả phương ngữ.

#### c. Lớp 3

+ Hình thức chính tả: nghe đọc viết chính tả, nhới lại bài đã thuộc để viết chính tả.

+ Tập viết hoa tên người và tên địa lí nước ngoài.

+ Tập phát hiện, sửa chữa lỗi chính tả quy tắc và chính tả phương ngữ.

+ Chính tả phương ngữ.

d. Lớp 4

+ Viết chính tả tốc độ nhanh, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng quy định.

+ Hình thức chính tả: như lớp 3

+ Lập sổ tay chính tả, ôn tập các quy tắc chính tả đã học, tập sửa chữa lỗi chính tả.

+ Chính tả phương ngữ.

e. Lớp 5

+ Hình thức chính tả: như lớp 4.

+ Viết chính tả một bài chưa được đọc với tốc độ nhanh, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng quy định.

+ Lập sổ tay chính tả. Ôn tập quy tắc chính tả.

+ Chính tả phương ngữ.

## 2. Sách giáo khoa

- Sách giáo khoa là sự cụ thể hoá, hiện thực hoá chương trình, hoàn chỉnh thêm chương trình vốn còn rất khái quát, chỉ mang tính chất định hướng. Dựa vào các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng được ghi trong chương trình, các tác giả sách giáo khoa thiết kế các bài dạy cụ thể.

- Ở lớp 1, nội dung dạy - học chính tả chủ yếu được thể hiện ở phần *Tập chép* trong sách giáo khoa *Tiếng Việt 1*, tập 2. Phần Chính tả trong sách giáo khoa lớp 2 và lớp 3 được bố trí xen kẽ với các phần Tập đọc, Từ ngữ, Ngữ pháp, Tập làm văn theo từng tuần.

- Cấu tạo một bài chính tả trong sách giáo khoa nhìn chung gồm các phần sau:

+ *Bài viết*: Quy định khối lượng bài học sinh phải viết trong giờ chính tả (cả bài hoặc một đoạn bài tập đọc đã học - có thể có bài chọn ngoài sách giáo khoa).

+ *Viết đúng*: Nêu các trường hợp chính tả cụ thể cần phải viết đúng (các trường hợp chính tả này chính là các từ có chứa *hiện tượng chính tả* đang được nói tới trong bài chính tả, được trích từ phần *Bài viết*, đồng thời cũng chính là các “trọng điểm chính tả” cần dạy cho học sinh).

+ *Luyện tập*: Sách giáo khoa nêu một số kiểu loại bài tập chính tả để học sinh luyện tập thêm, nhằm củng cố, khắc sâu hiện tượng chính tả đang học. Một số hình thức bài tập được sử dụng phổ biến trong sách giáo khoa là: Điền âm, vần, tiếng vào chỗ trống (chỗ trống trong tiếng, từ, câu); tìm từ có âm, vần dễ lẫn lộn; đặt câu với từ cho sẵn (để gây ý thức viết phân biệt các từ cho sẵn ấy)...

- Đối với hình thức *chính tả so sánh*, để đảm bảo yêu cầu nội dung giảng dạy trong hình thức chính tả này phải sát hợp với từng phương ngữ, sát hợp với đối tượng giảng dạy (học sinh lớp dạy), ở một chừng mực nào đó, giáo viên có thể thay thế các bài chính tả so sánh trong sách giáo khoa bằng bài soạn mới của bản thân (đã thông qua tổ chuyên môn).

- Lẽ ra, để giáo viên các địa phương có chỗ dựa trong việc giảng dạy chính tả (nhất là hình thức *chính tả so sánh*), sách giáo khoa nên có một bảng phụ lục ở cuối chương *Chính tả* (hoặc ở cuối sách). Bảng phụ lục này trình bày các *trọng điểm chính tả* cần dạy ở các vùng phương ngữ cơ bản trong toàn quốc (ví dụ: Ở Bắc Bộ, cần tập trung dạy viết phân biệt một số cặp phụ âm đầu, vần dễ lẫn lộn như: *tr/ ch; s/ x; d, gi/ r; l/ n* và *ưu/ iu; ươu/ iêu; uơ/ ua...* ở Bắc Trung Bộ (nhất là Thanh Hoá), cần dạy viết phân biệt hai thanh điệu *hỏi/ ngã*. Ở Nam Bộ, trọng điểm chính tả cần dạy là viết phân biệt một số cặp phụ âm đầu (như *v/ d...*), phụ âm cuối



(như *t/ c; n/ ng...*)... Các trọng điểm chính tả này được xác định càng cụ thể, chi tiết càng tốt. Muốn làm được việc này, phải tiến hành điều tra cơ bản, khảo sát tình hình mắc lỗi chính tả của học sinh ở các vùng phương ngữ, trên cơ sở đó, lập bản đồ chính tả cho từng phương ngữ, miêu tả kĩ các trọng điểm chính tả trong từng phương ngữ ấy.

Rất tiếc, bộ sách giáo khoa *Tiếng Việt* tiểu học hiện hành chưa làm được việc này. Cho nên, về mặt này, có thể nói nội dung dạy chính tả trong sách giáo khoa vừa thừa lại vừa thiếu (đối với học sinh ở một địa phương nào đó, thừa những nội dung chính tả không cần dạy, nhưng lại thiếu những nội dung chính tả cần dạy). Tình trạng này gây ảnh hưởng bất lợi tới chất lượng, hiệu quả dạy - học chính tả ở tiểu học hiện nay.

### III. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC DẠY CHÍNH TẢ

#### 1. Cơ sở tâm lí học

Mục đích dạy chính tả là hình thành cho học sinh năng lực viết thành tạo, thuần thục chữ viết tiếng Việt theo các *chuẩn chính tả*, nghĩa là giúp học sinh hình thành các kĩ xảo chính tả. Khái niệm kĩ xảo trong tâm lí học được hiểu là “những yếu tố tự động hoá của hoạt động có ý thức, được ra trong quá trình thực hiện hoạt động đó”<sup>1</sup> (Định nghĩa này bao hàm cả những *kĩ xảo vận động, kĩ xảo trí tuệ*, trong đó có *kĩ xảo chính tả*).

Hình thành cho học sinh kĩ xảo chính tả nghĩa là giúp học sinh viết đúng chính tả một cách tự động hoá, không cần phải trực tiếp nhớ tới các quy tắc chính tả, không cần đến sự tham gia của ý chí. Để đạt được điều này, có thể tiến hành theo hai cách: *có ý thức* và

---

<sup>1</sup> Định nghĩa của B.M. Cheplốp, dẫn theo D.N. Bôgôiavlénxki - Các nguyên tắc tâm lí của việc dạy chính tả, in trong cuốn “Phương pháp dạy tiếng mẹ đẻ”, tập II, NXB Giáo dục, H. 1989 (tài liệu dịch).

*không có ý thức. Cách không có ý thức* (còn gọi là phương pháp máy móc, cơ giới) chủ trương dạy chính tả không cần biết đến sự tồn tại của các quy tắc chính tả, không cần hiểu mối quan hệ giữa ngữ âm và chữ viết, những cơ sở từ vựng và ngữ pháp của chính tả, mà chỉ đơn thuần là việc viết đúng từng trường hợp, từng từ cụ thể. Cách dạy học này tốn nhiều thì giờ, công sức và không thúc đẩy sự phát triển của tư duy, chỉ củng cố trí nhớ máy móc ở một mức độ nhất định. Cách có ý thức (còn gọi là phương pháp có ý thức, có tính tự giác) chủ trương cần phải bắt đầu từ việc nhận thức các quy tắc, các mẹo luật chính tả. Trên cơ sở đó, tiến hành luyện tập và từng bước đạt tới các kĩ xảo chính tả. Việc hình thành các kĩ xảo bằng con đường có ý thức sẽ tiết kiệm được thời gian, công sức. Đó là con đường ngắn nhất và có hiệu quả cao. Đối với học sinh Tiểu học, cần vận dụng cả hai cách nói trên. Trong đó, cách không có ý thức chủ yếu được sử dụng ở các lớp đầu cấp, còn cách có ý thức cần được sử dụng thích hợp chủ yếu ở các lớp cuối cấp.

Gần đây, một số nhà nghiên cứu vấn đề dạy - học chính tả, lại có xu hướng khẳng định trong các cách học, cách “nhớ từng chữ một” (cách không có ý thức) được coi là giải pháp hữu hiệu hơn cả, hợp lí hơn cả, nhất là đối với học sinh Tiểu học<sup>1</sup> (Bởi vì học sinh độ tuổi tiểu học có khả năng ghi nhớ máy móc khá tốt, khả năng học thuộc khá nhanh). Tác giả Phan Ngọc, trong cuốn “Chữa lỗi chính tả cho học sinh” cũng nhận xét “Nói chung, phần lớn những người viết chính tả đúng hiện nay đều dựa vào cách nhớ từng từ một”<sup>2</sup>. Theo cách này, học sinh chỉ cần tập trung nhớ mặt chữ của những từ dễ viết sai. Những từ dễ viết sai này chiếm tỉ lệ không nhiều, do đó, học sinh có thể ghi nhớ được. Theo thống kê của một số tác giả, trong số 319 từ, những từ mà học sinh thuộc địa bàn Hà

<sup>1</sup> Xem bài *Về chiến lược dạy chính tả* của Nguyễn Đức Dương, Tạp chí “Ngôn ngữ và đời sống”, số 4 - 1977.

<sup>2</sup> Phan Ngọc. *Chữa lỗi chính tả cho học sinh*, Nxb Giáo dục, H.1982, tr. 7.

Nội có thể viết sai chỉ là 67 từ. Với một cách tính toán khác của các nhà nghiên cứu, số từ mà học sinh Hà Nội dễ viết sai này chỉ còn là 19 từ<sup>1</sup>. Nếu việc dạy học chính tả ở trường tiểu học chỉ tập trung vào các “trọng điểm chính tả” này mà tránh sự dàn trải, tản mạn như hiện nay thì chất lượng, hiệu quả dạy - học chính tả sẽ được nâng cao.

## 2. Cơ sở ngôn ngữ học

- Về cơ bản, chính tả tiếng Việt là *chính tả ngữ âm*, nghĩa là mỗi âm vị được ghi bằng một con chữ. Nói cách khác, giữa *cách đọc* và *cách viết* thống nhất với nhau. Đọc như thế nào sẽ viết như thế ấy. Trong giờ chính tả, học sinh sẽ xác định được cách viết đúng (đúng chính tả) bằng việc tiếp nhận chính xác âm thanh của lời nói (ví dụ: hình thức chính tả nghe đọc). Cơ chế của cách viết đúng là xác lập được mối liên hệ giữa âm thanh và chữ viết.

Giữa đọc và viết, giữa tập đọc và viết chính tả (chính tả nghe đọc) có mối quan hệ mật thiết với nhau, nhưng lại có quy trình hoạt động trái ngược nhau. Nếu tập đọc là sự chuyển hoá văn bản viết thành âm thanh thì chính tả lại là sự chuyển hoá văn bản dưới dạng âm thanh thành văn bản viết. Tập đọc có cơ sở chuẩn mực là *chính âm*, còn tập viết (viết chính tả) có cơ sở là *chính tự* (*chính tự* là sự biểu hiện của quy tắc chính tả ở một đơn vị (từ,...)). Một từ xét về mặt chính tả được gọi là một *chính tự*.

Nói rằng chính tả tiếng Việt là chính tả ngữ âm, giữa cách đọc và cách viết thống nhất với nhau là nói về nguyên tắc chung, còn trong thực tế, sự biểu hiện của mối quan hệ giữa đọc (phát âm) và viết (viết chính tả) khá phong phú, đa dạng. Cụ thể, chính tả tiếng Việt không dựa hoàn toàn vào cách phát âm thực tế của một

---

<sup>1</sup> Xem bài *Về chiến lược dạy chính tả* của Nguyễn Đức Dương, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, Số 4 - 1997.

phương ngữ nhất định nào. Cách phát âm thực tế của các phương ngữ đều có những sai lệch so với chính âm, cho nên không thể thực hiện phương châm “nghe như thế nào, viết như thế nấy” được (ví dụ, không thể viết là: *bo vang, Ba Vi...* như cách phát âm của phương ngữ vùng Sơn Tây; *suy nghĩ, sạch sẽ...* ở vùng Thanh Hoá; *bắc bẻ, Buông Mê Thuộc...* trong phương ngữ Nam Bộ...).

Chính tả tiếng Việt là chính tả ngữ âm nhưng trong thực tế, muốn viết đúng chính tả, việc nắm nghĩa của từ rất quan trọng. Hiểu nghĩa của từ là một trong những cơ sở giúp người học viết đúng chính tả. Ví dụ, nếu giáo viên đọc một từ có hình thức ngữ âm là “za” thì học sinh có thể lúng túng trong việc xác định hình thức chữ viết của từ này. Nhưng nếu đọc *gia đình* hoặc *da thịt* (đọc trọn vẹn từ, mỗi từ gắn với một nghĩa xác định) thì học sinh dễ dàng viết đúng chính tả. Vì vậy, có thể hiểu rằng chính tả tiếng Việt còn là loại chính tả ngữ nghĩa. Đây là một đặc trưng quan trọng về phương diện ngôn ngữ của chính tả tiếng Việt mà khi dạy chính tả, giáo viên cần chú ý.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

#### IV. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC DẠY CHÍNH TẢ

##### 1. Nguyên tắc dạy chính tả theo khu vực

Dạy chính tả theo khu vực nghĩa là nội dung giảng dạy về chính tả phải sát hợp với phương ngữ. Nói cách khác, phải xuất phát từ tình hình thực tế mắc lỗi chính tả của học sinh ở từng khu vực, từng miền để hình thành nội dung giảng dạy, phải xác định được *trọng điểm chính tả* cần dạy cho học sinh ở từng khu vực, từng địa phương. Ví như ta biết các phát âm địa phương có ảnh hưởng trực tiếp đến chính tả. Đối chiếu với âm, ta thấy cách phát âm của ba vùng phương ngữ chính đều còn có những chỗ chưa chuẩn xác, còn sai lệch. Cụ thể:

+ *Phương ngữ Bắc Bộ*: Chưa phát âm phân biệt rõ các cặp phụ